

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2020/HS-ST

Ngày 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Oanh.

2. Bà Tống Thị Diệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 308/2020/HS-ST ngày 15/9/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2020/QĐXXST-HS ngày 18/9/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đồng Khánh D (tên gọi khác: D, T), Sinh ngày 14/5/1992, tại tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thôn Phú V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đồng Văn H, Sinh năm 1970; con bà Cao Thị X, Sinh năm 1971, Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 03; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25 tháng 6 năm 2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xử phạt 05 tháng tù giam, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” Bản án số 160/2009/HSST. Ngày 24 tháng 8 năm 2009, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, đã được xóa án tích.

Ngày 27 tháng 8 năm 2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Bản án số 208/2010/HSST. Ngày 11 tháng 8 năm 2011, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, đã được xóa án tích.

Ngày 14 tháng 3 năm 2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bản án số 94/2012/HSST. Ngày 30 tháng 11 năm 2015, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Ngày 25 tháng 5 năm 2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xử phạt 01 năm 3 tháng tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 193/2016/HSST. Ngày 13 tháng 5 năm 2017, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, bị Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng.

Ngày 28/01/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm, xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 45/2019/HSPT. Ngày 24 tháng 11 năm 2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 18 tháng 8 năm 2020, được hủy bỏ tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn Cho bảo lãnh. Hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Hữu T; Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn M; Nơi cư trú: 182 Quang T, phường Thống N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. Anh Y L; Nơi cư trú: Buôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N; Nơi cư trú: 19 Huỳnh Thúc K, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bà Phan Thị Ái P; Nơi cư trú: 62 Trần Bình T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tiến H; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. Anh Y T; Nơi cư trú: Buôn E, xã Ea, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 5 năm 2020. Đồng Khánh D đã thực hiện ba vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại số 182 Quang T, phường T, thành phố B, D phát hiện xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn xanh, số khung HHC09013Y156812, số máy: HC09E015682, biển

kiểm soát 47K3-5904, đang dựng trên vỉa hè. D lại gần chiếc xe trên, lén lút dùng tay giật dây điện nối ổ khóa ra, nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, D đem chiếc xe mô tô trộm cắp trên bán cho Y T được số tiền 1.600.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Quá trình sử dụng, anh Y T bán lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn N với giá 7.500.000 đồng. Anh Nguyễn Văn N đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên, kèm giấy đăng kí xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 96/KLĐG, ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, biển kiểm soát 47K3-5904, màu sơn xanh, số máy HC09E015682, số khung HHC09013Y156812; trị giá 4.900.000 đồng.

Vụ thứ hai và vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 02 tháng 5 năm 2020, trước nhà số 117/3 A, phường T, thành phố B, D thấy chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Polish, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47M2-3766, số khung: H5UM5X006212, số máy: 52FMH3006212 của anh Nguyễn Hữu T đang dựng trước nhà. D đi lại gần chiếc xe trên, lén lút dùng tay giật dây điện nối ổ khóa ra rồi nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Khi đến trước căn nhà số 111 Nguyễn Trường T, phường Ea, thành phố B, D thấy chiếc xe Mô tô Yamaha, loại Sirius màu đen, trắng, biển kiểm soát: 47B1-615.48, số khung: C6K0DY035484, số máy: 5C6K035488, của anh Y L, đang dựng trong sân nhà. D bỏ lại chiếc xe Mô tô hiệu Polish biển kiểm soát 47M2-3766 tại đây, rồi lén lút lấy trộm chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 47B1-61548 điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, D bán xe cho một người nam giới chưa xác định lai lịch được số tiền 2.300.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Anh Y L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Polish, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47M2-3766, số khung: H5UM5X006212, số máy: 52FMH3006212, cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 118/KLĐG, ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Polish, loại xe nữ, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47M2-3766, số máy 52FMH3006212, số khung H5UM5X006212, đã qua sử dụng trị giá 2.300.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 97/KLĐG, ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển kiểm soát 47B1-615.48, màu đen trắng, số máy: 5C6K035488, số khung C6K0DY035484, đã qua sử dụng trị giá: 10.500.000 đồng.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Đồng Khánh D còn khai nhận đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2020, Đồng Khánh D lấy trộm 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh rồi đem bán cho Y T được số tiền 1.300.000 đồng, số tiền trên D đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình sử dụng, Y T đã bán chiếc xe trên cho một người nam giới với giá 1.600.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng cuối tháng 3 năm 2020, tại phường Tân H, thành phố B, Đồng Khánh D lấy trộm 01 xe Mô tô, nhãn hiệu MEILUN, màu xanh đen, biển kiểm soát: 47B2-401.47, số khung: SW110BF00030486, số máy: C110B00030486, rồi đem bán cho Y T được số tiền 700.000 đồng số tiền trên D đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình sử dụng, Y T bán chiếc xe trên cho Y H với giá 1.000.000 đồng. Anh Y H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để phục vụ công tác điều tra.

Lần thứ ba: Vào khoảng giữa tháng 4 năm 2020, tại phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Đồng Khánh D lấy trộm 01 xe mô tô, nhãn hiệu DAMSAN, màu nâu, biển kiểm soát: 47K8-3651, số khung DCG023HH020780, số máy: 1P50FMG00020780, rồi đem bán cho Y N, được số tiền 800.000 đồng, số tiền trên D đã tiêu xài cá nhân hết. Anh Y N đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản cáo trạng số: 316/CT-VKS. TP. BMT ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Đồng Khánh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đồng Khánh D khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, những lời khai đó là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung nhục hình gì.

Quá trình điều tra bị hại ông Nguyễn Hữu T khai nhận: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Polish, loại xe nữ, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47M2-3766, số máy 52FMH3006212, số khung H5UM5X006212. Do bị cáo trộm cắp, nay ông T đã nhận lại lại xe, do đó không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Trần Văn M khai nhận: Đối với 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, biển kiểm soát 47K3-5904, màu sơn xanh, số máy HC09E015682, số khung HHC09013Y156812. Do bị cáo trộm cắp, nay ông M đã nhận lại lại xe, do đó không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại anh Y L khai nhận: Bị cáo là người đã lấy trộm xe Mô tô biển kiểm soát 47B1-615.48 của anh Y L, nay anh yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 10.500.000 đồng là giá trị chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 47B1-615.48.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N khai nhận: Anh N có mua xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904 của anh Y T số tiền 7.500.000 đồng nhưng khi mua anh không biết xe trên do trộm cắp mà có nay không yêu cầu bồi thường lại số tiền 7.500.000 đồng trên.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ái P khai nhận: Xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904 là của chị P bán cho anh M với giá 10.000.000 đồng, Nay chị không tranh chấp gì xe mô tô trên.

Quá trình điều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến H khai nhận: Xe Mô tô biển kiểm soát 47M2-3766 là của anh H bán cho T với giá 4.000.000 đồng. Nay anh không tranh chấp gì xe mô tô trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y T khai nhận: Anh Y T là người mua lại xe mô tô do bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Khánh D mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Y H số tiền 10.500.000 đồng là giá trị chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 47B1-615.48.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47M2-3766 và 01 xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904, quá trình điều tra xác định là của ông T, ông M nên cơ quan điều tra đã trả lại ông T, ông M là phù hợp.

Truy thu để sung công quỹ Nhà nước của bị cáo số tiền 1.600.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu nâu, biển kiểm soát: 47K8-3651, số khung DCG023HH020780, số máy: 1P50FMG00020780 và 01 xe mô tô nhãn hiệu MEILUN, màu xanh đen, biển kiểm soát: 47B2-401.47, số khung: SW110BF00030486, số máy: C110B00030486 là những xe mô tô do bị cáo D trộm cắp, nhưng chưa xác định được người bị hại. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định tách hành vi trên của bị cáo cùng vật chứng ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904 của anh Trần Văn M, trị giá 4.900.000 đồng, 01 chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 47M2-3766 của anh Nguyễn Hữu T, trị giá 2.300.000 đồng và trộm cắp 01 chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 47B1-615.48, của anh Y L, trị giá 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 17.700.000 đồng là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm...”

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của những người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào ngày 13 tháng 4 năm 2020 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904 của anh M, trị giá 4.900.000 đồng, ngày 02 tháng 5 năm 2020, bị cáo lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 47M2-3766, của anh T, trị giá 2.300.000 đồng và 01 chiếc xe Mô tô biển kiểm soát: 47B1-615.48, của anh Y L, trị giá 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.700.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân. Cho nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Y L số tiền 10.500.000 đồng là giá trị chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 47B1-615.48.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo số tiền 1.600.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại cho ông T xe mô biển kiểm soát 47M2-3766 và ông Minh 01 xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, màu nâu, biển kiểm soát: 47K8-3651, số khung DCG023HH020780, số máy: 1P50FMG00020780 và 01 xe mô tô nhãn hiệu MEILUN, màu xanh đen, biển kiểm soát: 47B2-401.47, số khung: SW110BF00030486, số máy: C110B00030486 là những xe mô tô do bị cáo D trộm cắp, nhưng chưa xác định được người bị hại. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định tách hành vi trên của bị cáo cùng vật chứng ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với các anh N, Y T là những người đã mua lại tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có. Tuy nhiên, các anh N, Y T không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đồng Khánh D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Khánh D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2020 đến ngày 18/8/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 122 và Điều 131 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Y L số tiền 10.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Đồng Khánh D số tiền 1.600.000 đồng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại cho ông Nguyễn Hữu T xe mô biển kiểm soát 47M2-3766 và ông Trần Văn M 01 xe Mô tô biển kiểm soát 47K3-5904.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đồng Khánh D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh